

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2020/DS-PT

Ngày: 18/6/2020

“V/v Tranh chấp lỗi  
dẫn nước trong tưới tiêu”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị V

*Các Thẩm phán:* Ông Đinh Chí Tâm

Ông Ngô Tấn Lợi

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Kim Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:*** Bà Nguyễn Bạch Nga, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 426/2019/TLPT-DS ngày 03/12/2019 về việc “Tranh chấp lỗi dẫn nước trong tưới tiêu”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2019/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2020/QĐ-PT ngày 3/12/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐ-PT ngày 16/01/2020, Thông báo mở lại phiên tòa số 150/TB-TA ngày 04/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2020/QĐ-PT ngày 18/5/2020, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 03/6/2020, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Trần Văn V, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V: Luật sư D, Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

***2. Bị đơn:*** Bà Quang Kim N, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông N, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. NLQ1, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. NLQ2, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

**4. Người kháng cáo:** Ông Trần Văn V là nguyên đơn.

**5. Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

Có mặt: Ông V, ông N, NLQ2, Luật sư D.

Vắng mặt không lý do: NLQ1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**[1] Nguyên đơn ông Trần Văn V trình bày:**

Nguồn gốc thửa 46, tờ bản đồ số 49 là thửa đất số 1494 được mẹ ruột là bà T cho. Năm 2008, ông V chuyển nhượng cho ông Trương Minh H nhưng có thỏa thuận chừa ra 0,5m để làm lối đi chung, có lập thành văn bản ngày 19/02/2008. Vì ông V đã đặt sẵn đường ống dẫn nước phi 60 dài hết thửa đất. Ông H vẫn được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt giấy CNQSDĐ). Năm 2012, ông H chuyển nhượng lại cho NLQ1. Giữa ông H và NLQ1 có làm tờ thỏa thuận ngày 19/10/2012 chừa ra 0,5 m để làm lối đi chung. Năm 2014, NLQ1 chuyển nhượng thửa đất cho bà Quang Kim N. Ông V không biết NLQ1 và bà N có thỏa thuận chừa 0,5m để làm lối đi chung không. Năm 2018, bà N xây dựng nhà thì đã xây dựng hàng rào trên chỗ đất làm lối đi chung. Khi bà N xây dựng hàng rào, ông V có ngăn cản nhưng không có lập biên bản. Hiện nay, đường ống dẫn nước nằm dưới hàng rào của bà N đã bị hư hỏng, ông V không thể sửa chữa để sử dụng.

Nay ông V yêu cầu bà Quang Kim N cùng NLQ1 phải liên đới di dời hàng rào để cho ông Trần Văn V sử dụng diện tích theo đo đạc ngày 16/4/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp, thuộc các mốc M1, M2, M3, M4, M8, M14, M7, M6, M1 diện tích là 11.2m<sup>2</sup>. Ông V rút một phần yêu cầu đối với diện tích đất 1.0m<sup>2</sup> nằm trong phạm vi các mốc M8, M9, M10, M14 vì thuộc quản lý của Nhà nước.

Ông V cung cấp văn bản thỏa thuận giữa ông H, NLQ1 và ông V để làm căn cứ giải quyết vụ án. Ông V cho rằng bà Đặng Thị Kiều N là người thân của bà Đặng Thị T trước đây năm 2011 có tranh chấp đất đai với ông V, nên bà N làm chứng không khách quan.

Ông V không yêu cầu bồi thường thiệt hại do ông bị hư hại, không yêu

cầu thăm định, định giá phần ống nước bị hư, không yêu cầu bà N, NLQ1 bồi thường phần ống bị hư và không đồng ý bồi thường phần chi phí đi dòi hàng rào cho bà N.

**[2] Bị đơn bà Quang Kim N trình bày:** Nguồn gốc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 49 là bà N mua của NLQ1 vào năm 2014. Khi mua đất bà N và NLQ1 không có thỏa thuận chừa đất gì ra cho ông V. Lúc bà N mua đất thì có đường ống nước của ông V đặt ở vị trí hiện nay, ông V sử dụng bình thường. Khi bà N xây dựng nhà và hàng rào ông V có đến xem bà N xây cất nhà nhưng ông V không có ý kiến. Trước đến nay, ông V không có sử dụng phần đất này để làm lối đi, thỉnh thoảng có hư ống dẫn nước thì ông V mới xuống sửa. Bà N đồng ý cho ông V đi qua đất của bà N hoặc chị P để sửa chữa, sử dụng ống dẫn nước. Hiện nay, đường nước vẫn sử dụng được, không có hư hỏng như ông V trình bày. Đất tranh chấp bà N đã xây dựng hàng rào bằng bê tông kiên cố nên không đồng ý di dời. Bà N đồng ý cho ông V đặt đường ống dẫn nước theo các mốc M2, M3, M4, M8, M14, M7, M6, M5, M2. Tại phiên tòa ngày 06/9/2019, bà N thay đổi ý kiến không cho ông V được đặt đường ống hay sử dụng gì trên phần đất của bà vì mọi thỏa thuận chừa đất là của ông V, H, NLQ1 còn bà N không có biết. Đất hiện nay thuộc quyền sở hữu được Nhà nước cấp giấy đúng quy định, nên bà N có quyền sử dụng đất. Lúc bà N xây dựng hàng rào ông V không có ngăn cản.

- NLQ2 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Trần Văn V, không bổ sung gì khác.

- NLQ1 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của NLQ1 mua của ông Trương Minh H năm 2012. Năm 2014, NLQ1 bán cho bà N. Khi mua bán từ ông H cho NLQ1 có thỏa thuận chừa ra 0,5m để làm lối đi chung vì tại thời điểm đó có đường ống dẫn nước của ông V. Thỏa thuận chừa đất nhưng thủ tục chuyển nhượng hết thửa. Khi chuyển nhượng cho bà N thì NLQ1, ông V không có thỏa thuận chừa ra 0,5m. Ông V chỉ sử dụng đường nước, không sử dụng để làm lối đi chung. Yêu cầu của ông V là không phù hợp vì NLQ1 đã chuyển nhượng đất hợp pháp cho bà N nên quyền sở hữu của bà N.

**[3] Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2019/DS-ST ngày 12/9/2019 của Tòa án huyện L đã quyết định:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Văn V, NLQ2 về việc yêu cầu được đặt ống dẫn nước, tiêu nước trong canh tác.

Buộc bà Quang Kim N phải cho ông Trần Văn V, NLQ2 được đặt ống dẫn nước trên phần đất có diện tích 7,8m<sup>2</sup> được thể hiện tại các mốc M2, M3, M4, M8, M14, M7, M6, M5, M2 theo Mảnh trích đo địa chính số 30-2019, ngày 16/4/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do bà Quang Kim N đứng tên quyền sử dụng (Có Mảnh trích đo địa chính số 30-2019 ngày 16/4/2019 kèm theo).

Ông Trần Văn V, NLQ2 có nghĩa vụ đặt ống dẫn nước, tiêu nước thích hợp không để ảnh hưởng, không gây thiệt hại đến phần đất của bà Quang Kim N.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Trần Văn V về diện tích đặt đường ống tại vị trí M8, M9, M10, M14 là 1,0m<sup>2</sup> theo Mẫu trích đo địa chính số 30-2 019, ngày 16/4/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí và chi phí thẩm định, định giá:

+ Ông Trần Văn V, NLQ2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng theo biên lai số 0008562, ngày 13/3/2019. Ông V, NLQ2 đã thực hiện xong.

+ Bà Quang Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

+ Bà Quang Kim N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Trần Văn V 1.127.000 đồng (Một triệu, một trăm hai mươi bảy ngàn đồng) chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

***[4] Sau khi xét xử sơ thẩm:***

Ngày 25/9/2019, nguyên đơn ông Trần Văn V kháng cáo xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân huyện L có Quyết định kháng nghị phúc thẩm bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L.

***[5] Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Luật sư D là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Văn V trình bày: Ông Trần Văn V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu bà Quang Kim N di dời hàng rào trả lại lối dẫn nước trong tưới tiêu cho ông V được sử dụng.

- Ông Trần Văn N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Quang Kim N trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông V, không đồng ý di dời hàng rào. Yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Không đồng ý ranh đất giữa bà N và bà T, đề nghị thẩm định lại.

- Kiểm sát viên phát biểu kháng nghị và quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp thay đổi yêu cầu kháng nghị, không yêu cầu NLQ1, chỉ yêu

cầu bà Quang Kim N di dời hàng rào để giao phần đất sử dụng làm lối dẫn nước tưới tiêu cho ông V, bà N được sử dụng chung.

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ đất tranh chấp:**

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Quang Kim N không đồng ý ranh đất giữa bà N và bà Đặng Thị T như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định và yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ lại. Bà N cho rằng diện tích đất đang sử dụng còn thiếu so với diện tích đất chuyển nhượng, việc này ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ đúng quy định pháp luật. Bà N trực tiếp có mặt và đồng ý với kết quả thẩm định, đo đạc. Cụ thể bà N có ký tên vào các biên bản và tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên ý kiến thống nhất. Sau khi xét xử sơ thẩm bà N không kháng cáo bản án.

Mặc dù, bà N không đồng ý ranh đất nhưng vẫn thống nhất trụ đá tại mốc M3 là ranh đất phía giáp đường lộ. Bà N không đồng ý các mốc ranh còn lại, nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc tại Tòa án cấp sơ thẩm có khiếu nại hoặc không đồng ý ranh đất. Đồng thời, chị Đặng Thị Kiều N là người đang quản lý, sử dụng đất do bà Đặng Thị T đứng tên quyền sử dụng đất có ký tên xác định ranh đất khi Tòa án tiến hành đo đạc. Về phía ông V yêu cầu được sử dụng lối dẫn nước có chiều ngang 0,5m, thực tế phần đất từ mé hàng rào trả ra mé sông chiều ngang không đủ 0,5m nhưng ông V đồng ý là phù hợp với thực tế sử dụng.

Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy khai nại của bị đơn về ranh đất với bà T và yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ lại phần đất tranh chấp là không có căn cứ xem xét chấp nhận.

Ngày 19/02/2020, Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành thẩm định tại chỗ để xác định ống nước do ông Trần Văn V đã đặt có thuộc phạm vi đất tranh chấp không, có lập biên bản và vẽ bổ sung sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 19/02/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, thể hiện ống dẫn nước là đường thẳng nối từ mốc M2 đến mốc A.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Hội đồng xét xử xét thấy, trong phạm vi 11,2m<sup>2</sup> ông V khởi kiện yêu cầu được sử dụng làm lối dẫn nước trong tưới tiêu, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp một phần yêu cầu với diện tích 7,8m<sup>2</sup>. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà N không kháng cáo bản án. Nay ông V và Viện kiểm sát huyện L chỉ kháng cáo, kháng nghị đối với diện tích 3,4m<sup>2</sup> thuộc phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, A về M1. Viện kiểm sát huyện L đề nghị buộc bà N, NLQ1 di dời hàng rào ra lối dẫn nước chung này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát thay đổi kháng nghị chỉ yêu cầu bà N di dời hàng rào, không yêu cầu NLQ1. Xét thấy,

**[2.1]** Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho ông V, NLQ2 được quyền sử dụng lối dẫn nước tưới tiêu là có căn cứ. Bởi lẽ, quá trình chuyển nhượng thửa đất số 46, tờ bản đồ số 9 (có phần đất tranh chấp làm lối dẫn nước tưới tiêu) thì ông V, ông H và NLQ1 có lập 02 Tờ thỏa thuận chừa 0,5m dọc theo ranh để làm lối đi chung và không được mua bán hoặc cho ai. Đến năm 2014, NLQ1 chuyển nhượng đất cho bà N thì không làm văn bản thỏa thuận và cho rằng không có thỏa thuận miêng chừa đất 0,5m. Căn cứ vào 02 Tờ thỏa thuận và căn cứ vào việc ông V không có lối dẫn nước tưới tiêu nào khác nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận ông V được sử dụng lối dẫn nước tưới tiêu là đúng quy định pháp luật.

**[2.2]** Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của bà N, NLQ1 và bà N cho rằng từ trước đến nay ông V không sử dụng lối đi này chỉ sử dụng để đặt ống dẫn nước, nếu có hư hỏng thì đi qua đất bà N hoặc bà N để sửa chữa, không buộc bà N di dời hàng rào để trả lại lối dẫn nước tưới tiêu chung là không đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ,

- Ông V có nhu cầu sử dụng lối dẫn nước duy nhất này, do đó để bảo đảm yêu cầu sử dụng của mình, ông V có thực hiện văn bản thỏa thuận chừa đất để làm lối đi chung mục đích sử dụng làm lối dẫn nước. Các thỏa thuận đều được lập thành văn bản ngày 19/02/2008 và ngày 19/01/2012, có xác nhận của chính quyền địa phương.

- Ông V có tranh chấp, ngăn cản bà N xây dựng hàng rào: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N cũng thừa nhận khi xây dựng hàng rào ông V có báo chính quyền nhưng không giải quyết ngay, sau này có mời bà đến hòa giải nhưng bà không tham dự. Điều này, phù hợp với Công văn số 05/UBND ngày 15/4/2020 của UBND xã T xác nhận vào thời điểm bà N xây hàng rào khoảng năm 2018-2019, ông V có ngăn cản và có gửi đơn khởi kiện tại ấp T. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N cũng thừa nhận biết việc ông V đã đặt ống dẫn nước trước khi bà xây hàng. Mặc dù, bà N biết có ống dẫn nước và ông V đã ngăn cản nhưng bà N vẫn cố ý xây dựng hàng rào.

- Về điều kiện sử dụng lối dẫn nước: Hiện nay, lối dẫn nước nằm phía trong hàng rào nhà bà N và bà N, ông V muốn đi vào lối dẫn nước phải được bà N hoặc bà N mở cửa hàng rào là không thuận tiện cho các bên, nhất là bên ông V sẽ bị phụ thuộc dẫn đến ảnh hưởng quyền lợi của ông V, không được đảm bảo quyền sử dụng lối dẫn nước theo quy định. Mặt khác, bà N xây hàng rào kiên cố ngay trên ống dẫn nước cho nên ông V không thể sửa chữa nếu xảy ra hư hỏng.

Như vậy, ông V đã thực hiện đầy đủ các văn bản thỏa thuận do đó cần được pháp luật bảo vệ quyền lợi. Về thực tế, nếu giữ nguyên hàng rào của bà N không đảm bảo việc sử dụng của ông V, trong khi bà N có lỗi cố ý xây dựng hàng

rào mặc dù đã được ông V ngăn cản. Cho nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà N di dời hàng rào để trả lại lối dẫn nước tưới tiêu theo quy định pháp luật. Ông V không phải bồi thường giá trị hàng rào do bà N có lỗi cố ý xây hàng rào.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn V, đề nghị thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, sửa bản án dân sự sơ thẩm, buộc bà N di dời hàng rào ra khỏi lối dẫn nước tưới tiêu trong phạm vi các mốc M1 - M2 - M3 - M4 - M5 – A - M6 về M1 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 19/02/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp, trả lại hiện trạng ban đầu lối dẫn nước trong tưới tiêu trong phạm vi các mốc M1 - M2 - M3 - M4 - B - trụ đá 1 - trụ đá 2 - trụ đá 3 - trụ đá 4 - M8 - M14 - M7 - M6 về M1 cho ông V, NLQ2, bà N sử dụng lối dẫn nước tưới tiêu chung.

**[2.3]** Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N không yêu cầu NLQ1 bồi thường giá trị hàng rào hay yêu cầu nghĩa vụ gì khác nên không xem xét trong vụ án này. Trường hợp, bà N có tranh chấp đối với NLQ1 về việc không thỏa thuận việc chừa lối dẫn nước thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

**[2.4]** Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông V không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu NLQ1 có trách nhiệm liên đới di dời hàng, nhưng được miễn án phí dân sự do ông V là cao tuổi có đơn xin miễn, giảm án phí.

Bà Quang Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm, nên ông V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 148, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử:***

- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn V.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 73/2019/DS-ST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện L.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn V yêu cầu được sử dụng lối dẫn nước tưới tiêu diện tích 11,2m<sup>2</sup>.

Ông Trần Văn V, NLQ2, bà Quang Kim N được quyền sử dụng lối dẫn nước tưới tiêu diện tích 11,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 49, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do bà Quang Kim N đứng tên quyền sử dụng đất. Lối dẫn nước tưới tiêu thuộc phạm vi các mốc M1- M2 - M3 - M4 - B - trụ đá 1- trụ đá 2 - trụ đá 3 - trụ đá 4 - M8 - M14 - M7 - M6 về M1 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 19/02/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc bà Quang Kim N di dời hàng rào ra khỏi lối dẫn nước tưới tiêu trong phạm vi các mốc M1 - M2 - M3 - M4 - M5 – A - M6 về M1 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 19/02/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/4/2019 kèm theo).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn V đối với diện tích đất 1,0m<sup>2</sup> thuộc phạm vi các mốc M8 - M9 - M10 - M14 về M8 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 19/02/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

Bà Quang Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn V được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Trần Văn V được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008562 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

4. Chi phí thẩm định, định giá:

Bà Quang Kim N phải chịu 1.327.000 đồng chi phí thẩm định, định giá (trong đó sơ thẩm 1.127.000 đồng, phúc thẩm 200.000 đồng) để trả cho ông Trần Văn V do ông V đã tạm ứng trước.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS x.

## **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vĩnh**

